

Số: 911 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/05/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Nghị quyết số 38/NQ-HĐT ngày 25/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng với khóa học tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

QUY CHẾ

Tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 911 /QĐ-ĐHV ngày 14 /4/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hoá những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh;

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác tuyển sinh đại học do Trường Đại học Vinh (sau đây gọi tắt là Trường) cấp bằng, không áp dụng đối với công tác tuyển sinh liên kết do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các thuật ngữ: phạm vi tuyển sinh, dự tuyển, xét tuyển, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xử lý nguyện vọng, ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển, điểm ưu tiên, các loại kỳ thi, hệ thống hỗ trợ tuyển sinh, mã trường, mã xét tuyển, quy đối tương đương được hiểu đúng như quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT) và điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT).

2. Đơn vị đào tạo là đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng đào tạo, bao gồm: các trường thuộc, khoa, viện.

3. Đơn vị quản lý hoạt động tuyển sinh là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong công tác tư vấn, quảng bá, xét tuyển thí sinh tham gia dự tuyển vào hình thức đào tạo tương ứng. đơn vị quản lý hoạt động tuyển sinh trình độ đại học tại Trường bao gồm: Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyển.

4. Trạm đào tạo từ xa: Là cơ sở bên ngoài Trường, nơi tổ chức các hoạt động để thực hiện chương trình đào tạo từ xa. Trạm được đặt tại các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường của cơ quan nhà nước, trường của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trường của lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 3. Yêu cầu chung và các nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh.

2. Trường cam kết thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh tham gia thi, xét tuyển nhằm tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, đơn vị khác có liên quan dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

4. Nhà trường cam kết thực hiện hoạt động tuyển sinh đảm bảo nguyên tắc công bằng, bình đẳng và minh bạch, được quy định chi tiết tại Điều 4 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được công bố công khai trong thông tin tuyển sinh hằng năm của Nhà trường (trước khi tổ chức thu nhận hồ sơ thi tuyển và xét tuyển) bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét cho vào học ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 5. Phương thức tuyển sinh

1. Hàng năm, Nhà trường công bố các phương thức tuyển sinh; áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, nhóm ngành và hình thức đào tạo đặc thù; được cụ thể hoá và công bố công khai trong thông tin tuyển sinh.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh được quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển theo đúng khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập (điểm tổng kết các môn học cấp THPT), kết quả thi theo từng môn (điểm thi các môn tốt nghiệp THPT) đảm bảo các điều kiện theo đúng khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

4. Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển phải được xác định cụ thể và công bố công khai trong thông tin tuyển sinh theo đúng khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

5. Việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển cho một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo được đảm bảo công khai, công bằng và có căn cứ khoa học, dựa trên các phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước và được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường đồng ý thông qua.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo chế độ chính sách được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chi tiết việc cộng điểm ưu tiên được áp dụng theo Phụ lục I, Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

2. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

3. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Đối tượng xét tuyển thẳng:

a) Trường Đại học Vinh thực hiện việc xét tuyển thẳng cho các thí sinh thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT. Chỉ tiêu, tiêu chí, ngành xét tuyển thẳng tương ứng cho các đối tượng này được quy định chi tiết và công khai trong Thông tin tuyển sinh của từng năm tuyển sinh;

b) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích kì thi Học sinh giỏi quốc gia; đạt giải tư cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải (thông tin chi tiết trong thông tin tuyển sinh của Trường vào năm đăng ký xét tuyển); thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

3. Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cộng điểm xét tuyển đối với thí sinh: là thành viên đội tuyển tham dự kì thi Học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải Học sinh giỏi cấp Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương; đạt giải Khoa học kỹ thuật, Thể dục thể thao cấp Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương; chứng chỉ quốc tế về Ngoại ngữ, Tin học; các chứng chỉ quốc tế khác như SAT, A-level... Mức cộng điểm xét tuyển chi tiết cho từng loại thành tích, đối với từng ngành/nhóm ngành sẽ được công bố công khai trong Thông tin tuyển sinh của Nhà trường theo năm tuyển sinh.

Điều 8. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng của từng năm tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày.

2. Đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành theo nguyên tắc không được thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 9, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển và chuyển đổi nguyện vọng xét tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển, được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong các trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng cho Nhà trường, thông qua Phòng Đào tạo.

3. Thời gian bảo lưu, thực hiện thủ tục nhập học hoặc học dự bị đại học trước khi vào học chính thức (nếu có) được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 10, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

4. Trường Đại học Vinh cho phép sinh viên được chuyển đổi nguyện vọng xét tuyển, đăng ký xét tuyển ngành mới thuộc trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã trúng tuyển ngành đăng ký, nhưng sau một học kì không có nguyện vọng học tiếp ngành học đã trúng tuyển;

b) Sinh viên trúng tuyển vào ngành học không đủ số lượng để tổ chức lớp học;

c) Điểm trúng tuyển đầu vào của ngành đã trúng tuyển cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành xin xét tuyển mới theo cùng tổ hợp đã được công bố trong thông tin tuyển sinh;

d) Ngành sinh viên đăng ký xét tuyển mới đang còn chỉ tiêu;

e) Sinh viên có nguyện vọng chuyển nguyện vọng xét tuyển cần gửi đơn tới Hội đồng tuyển sinh trước ngày 31/12 hằng năm;

đ) Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cho chuyển nguyện vọng xét tuyển nếu ngành hoặc nhóm thí sinh đăng ký xét chuyển đến chưa đủ chỉ tiêu công bố theo thông tin tuyển sinh và chỉ tiêu Hội đồng trường phê duyệt.

Điều 10. Thông tin tuyển sinh

1. Phòng Đào tạo làm đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng, lấy ý kiến và ban hành thông tin tuyển sinh hàng năm.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm các thông tin cần thiết được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 11, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và khoản 5 Điều 1, Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

3. Việc thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Điều 11. Thi tuyển, xét tuyển đào tạo đại học chính quy

1. Hàng năm, sau khi Hội đồng trường phê duyệt phương thức tuyển sinh, Hiệu trưởng triển khai xây dựng phương thức và kế hoạch tuyển sinh chi tiết.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phòng Đào tạo tham mưu xây dựng Kế hoạch thi tuyển, xét tuyển chi tiết đối với từng phương thức tuyển sinh, từng nhóm ngành đào tạo, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt.

3. Đối với hình thức thi tuyển, Nhà trường triển khai xây dựng thông tin tổ chức thi tuyển. Nội dung của đề án tổ chức thi tuyển phải đảm bảo như quy định tại khoản 2, Điều 15, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT. Các yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất, đề thi, quy chế thi... đảm bảo cho việc triển khai tổ chức thi tuyển phải đảm bảo như yêu cầu được quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

4. Kế hoạch thi tuyển năng khiếu cho ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Kiến trúc được tổ chức sau ngày thí sinh hoàn thành kì thi tốt nghiệp. Chi tiết về quy chế thi, đề án tổ chức thi, thời gian thi, hình thức và địa điểm đăng ký thi; địa điểm tổ chức thi, kết quả thi được công bố công khai trên website của Nhà trường.

5. Đối với hình thức xét tuyển, Nhà trường tuân thủ kế hoạch xét tuyển đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào tình hình thực tế từng năm tuyển sinh, Hiệu trưởng quyết định việc xây dựng kế hoạch xét tuyển các đợt tiếp theo, đảm bảo hoàn thành trước 31/12 hằng năm.

6. Quy trình xét tuyển, tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng, tổ chức đăng ký và xét tuyển trên hệ thống, xử lý nguyện vọng, thông báo và xác nhận nhập học thực hiện theo các nội dung được quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

7. Đăng ký và xét tuyển bổ sung được thực hiện trên phần mềm xét tuyển của Trường Đại học Vinh. Nhà trường công bố công khai kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, điều kiện xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, hình thức đăng ký cho từng ngành, chương trình đào tạo trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của đợt xét tuyển bổ sung không thấp hơn so với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đã công bố trong đợt xét tuyển đợt 1. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

Điều 12. Xét tuyển đại học vừa làm vừa học

1. Trung tâm Giáo dục thường xuyên tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm đối với hệ vừa làm vừa học bao gồm cả thông tin về đợt tuyển sinh, địa điểm đặt lớp.

2. Căn cứ thông tin tuyển sinh và các thông báo tuyển sinh theo từng đợt trong năm, thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến/trực tiếp tại Trường.

3. Nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển: Trung tâm Giáo dục thường xuyên hoặc các địa điểm đặt lớp tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp dữ liệu tuyển sinh. Bộ phận thư ký Hội đồng tuyển sinh tổ chức phân loại, thẩm định hồ sơ trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển.

a) Điều kiện dự tuyển cho từng đối tượng được thông tin chi tiết trong các thông báo tuyển sinh, đảm bảo điều kiện được quy định tại Điều 9 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

b) Căn cứ kết luận của Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển (Giấy báo nhập học) thông qua các địa điểm đặt lớp, các trang thông tin điện tử và gửi đến người dự tuyển biết kết quả để nhập học.

4. Tổ chức nhập học: Sau khi có danh sách trúng tuyển và thông báo đến thí sinh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên phối hợp với nơi đặt lớp (nếu có) lập kế hoạch và tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển. Việc tổ chức nhập học phải đảm bảo quy định, quy trình đào tạo; thí sinh trúng tuyển được xếp vào khóa đào tạo, phân chuyên ngành đào tạo, tổ chức phân lớp, lập danh sách người học và cấp thẻ người học. Người học sau khi nhập học được Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ra quyết định công nhận học viên, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tiếp nhận kết quả, quản lý và triển khai đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 13. Xét tuyển đại học từ xa

1. Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến tham mưu Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh trong cả năm cho hệ đào tạo từ xa bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, địa điểm nhận hồ sơ, thông tin liên hệ và các thông tin liên quan khác. Nhà trường công bố công khai thông báo tuyển sinh, các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử

của Trường Đại học Vinh và tại các Trạm đào tạo từ xa.

2. Nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển: Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp dữ liệu tuyển sinh. Bộ phận thư ký Hội đồng tuyển sinh tổ chức phân loại, thẩm định hồ sơ trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển.

a) Điều kiện dự tuyển của thí sinh đăng ký dự tuyển vào hệ đào tạo từ xa, trình độ đại học được tuân thủ theo các quy định hiện hành.

b) Căn cứ kết luận của Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển (Giấy báo nhập học) thông qua các Trạm đào tạo từ xa, các trang thông tin điện tử và gửi đến người dự tuyển biết kết quả để nhập học.

3. Tổ chức nhập học: Sau khi có danh sách trúng tuyển và thông báo đến thí sinh, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến phối hợp với Trạm đào tạo từ xa (nếu có) lập kế hoạch và tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển. Việc tổ chức nhập học phải đảm bảo quy định, quy trình đào tạo; thí sinh trúng tuyển được xếp vào khóa đào tạo, phân chuyên ngành đào tạo, tổ chức phân lớp, lập danh sách người học và cấp thẻ người học. Người học sau khi nhập học được Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ra quyết định công nhận học viên, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến tiếp nhận kết quả, quản lý và triển khai đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học theo từng hình thức đào tạo để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo đối với tuyển sinh đại học chính quy; Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên đối với tuyển sinh đại học vừa làm vừa học; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến đối với tuyển sinh đại học đào tạo từ xa;

d) Các Ủy viên: Một số Trưởng phòng; Trưởng các khoa, viện và Hiệu trưởng trường thuộc; chuyên viên phụ trách tuyển sinh; chuyên viên công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia Hội đồng tuyển sinh của Trường và các ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh Trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua Thông tin tuyển sinh;

b) Tổ chức tuyển sinh theo Thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; Thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường;

c) Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); Báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khoá đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của Ngành Giáo dục. Nếu tổ chức thi tuyển sinh thì phải bảo quản danh sách thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

f) Tổng kết công tác tuyển sinh; Quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

Điều 16. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh Trường kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: một số chuyên viên phòng, ban, trung tâm, khoa/viện/trường thuộc và các cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);

d) Phân tích dữ liệu, tham mưu phương án điểm trúng tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh quyết định;

e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

f) Tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định của Quy chế thi tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động tuyển sinh của Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Thanh tra - Pháp chế tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong thông tin tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến; Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Hàng năm, Quy chế được bổ sung, sửa đổi theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các

đơn vị, cá nhân phản ánh về Trường thông qua Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo
Hiệu trưởng xem xét, quyết định. 



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh
ban hành theo Quyết định số **911** /QĐ-ĐHV ngày **14** /4/2025 của Hiệu trưởng)

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc nhóm ngành sức khỏe.

Phụ lục III. Thông tin tuyển sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM¹

(Hình thức đào tạo:²)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³ (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

II. Tuyển sinh đào tạo đại học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển
2. Mô tả phương thức tuyển sinh⁴ (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ⁵	Tên ngành, nhóm ngành ⁶	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	

¹ Thông tin tối thiểu, các CSĐT bổ sung các thông tin khác của CSĐT (nếu cần).

² Chính quy/vừa làm vừa học (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

⁵ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

⁶ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

2.							
3.							
...							

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSDT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.												
2.												
3.												
...												

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSDT:

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của Trường:

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Nghệ An, ngày..... tháng năm.....

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học**III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học****1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT**

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
-----	------------------	--------------------	---------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------	-------------------------	---------------------------------	--	---------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

2.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 02: Tuyển sinh đào tạo từ xa**IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa**

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.
2. Phạm vi tuyển sinh.
3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).
4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo từ xa	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

5. Ngưỡng đầu vào.
6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.
7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.
8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.
9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).
10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.
11. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.
12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... (Người học)

STT	Trình độ/ Nhóm ngành/ ngành đào tạo	Mã Nhóm ngành/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Nhóm ngành....		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
2.1	Nhóm ngành...		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Nhóm ngành ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Nhóm ngành ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Nhóm ngành...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Nhóm ngành...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Nhóm ngành...		
3.4.1.1	Ngành....		
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Nhóm ngành...		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Nhóm ngành...		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Nhóm ngành...		
4.3.1.1	Ngành...		

4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Nhóm ngành...		
4.2.1.1	Ngành....		
5	Từ xa		
5.1	Nhóm ngành...		
5.1.1	Ngành...		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường (ha):

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường		
2.	Thư viện, trung tâm học liệu		
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1.	Trần Văn A	GS	TS	Toán học	Sư phạm Toán học
2.	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học	Công nghệ thông tin
3.	...				
	Tổng số giảng viên toàn trường				

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học.

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1.	Trần Văn A	GS	TS	Toán học	Sư phạm Toán học
2.	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học	Công nghệ thông tin
3.	...				
	Tổng số giảng viên toàn trường				